TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS -ST
Ngày: 12 tháng 3 năm 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Thị Hoa

Ông Nguyễn Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án thụ lý số 237/2023/TLST-DS ngày 11/8/2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 66/TB-TA ngày 29 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phùng Văn H, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn TL, xã NS, thị xã NH, tỉnh KH. Ông H, có mặt phiên tòa.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khuyết tật ông Phùng Văn Hải: Bà Nguyễn Thị Anh T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh KH. Bà T, có mặt phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Lê K, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã NS, thị xã NH, tỉnh KH. Ông K, vắng mặt phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Ông và ông Lê K là chỗ quen biết với nhau nên từ đầu năm 2022, ông có cho ông Lê K, nơi cư trú: Thôn Đ, xã NS, thị xã NH, tỉnh KH mượn nhiều lần với tổng số tiền 110.000.000đ. Đến ngày 14/02/2023, ông cho ông K vay thêm 30.000.000đ, tổng số tiền ông cho ông K vay tính đến ngày 14/02/2023 là 140.000.000đ. Ngày 25/5/2023,

ông K có ký giấy xác nhận nợ với nội dung, ông K còn nợ ông số tiền 140.000.000đ và hứa đến ngày 25/7/2023 sẽ trả cho ông hết số tiền trên, nhưng đến nay ông Khỏe cố tình trốn tránh không trả số tiền trên cho ông. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Khỏe trả cho ông số tiền đã vay là 140.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

** Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Lê K trình bày:* Ông xác nhận có vay của ông H nhiều lần với tổng số tiền là 140.000.000đ và đến nay vẫn chưa trả cho ông H số tiền trên như ông H trình bày. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền gốc là 140.000.000đ và tiền lãi tính theo lãi suất của ngân hàng từ ngày 14/02/2023 cho đến nay là 5.000.000đ, ông đồng ý trả cho ông H số tiền gốc là 140.000.000đ còn tiền lãi từ ngày 14/02/2023 cho đến nay ông xin ông H cho ông được không phải trả vì tình hình dịch bệnh nên việc buôn bán và chăn nuôi bị ảnh hưởng, nguồn thu bị giảm. Ông xin được trả số tiền gốc là 140.000.000đ vào ngày 01/7/2024.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa*:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là: 140.000.000đ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Phùng Văn H khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Lê K trả số tiền đã vay là 140.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 14/02/2023 và giấy xác nhận nợ ngày 25/5/2023, bị đơn có nơi cứ trú tại: Thôn Đ, xã NS, thị xã NH, tỉnh KH nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Phùng Văn H khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Lê K trả số tiền đã vay là 140.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 14/02/2023 và giấy xác nhận nợ ngày 25/5/2023. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền lãi 5.000.000đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự

nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.4] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 14/02/2023, ông Lê K có ký giấy mượn tiền tiền của ông Phùng Văn H với số tiền là 140.000.000đ. Ngày 25/5/2023, ông Lê K ký giấy xác nhận nợ ông Phùng Văn H số tiền 140.000.000đ và hứa đến ngày 25/7/2023 sẽ trả hết số tiền trên cho ông Phùng Văn H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2024, bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 140.000.000đ, việc mượn tiền ngày 14/02/2023 và xác nhận nợ ngày 25/5/2023 được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bị đơn ông Lê K phải trả cho nguyên đơn ông Phùng Văn H số tiền 140.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 14/02/2023 và giấy xác nhận nợ ngày 25/5/2023.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể là: 140.000.000 đồng x 5% = 7.000.000 đồng.

Đối với ông Phùng Văn H thuộc trường hợp người khuyết tật theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, ông Phùng Văn H được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí.

[4] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 14/02/2023 cho đến ngày xét xử là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

2. Buộc ông Lê K phải trả cho ông Phùng Văn H 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê K phải nộp 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với ông Phùng Văn H thuộc trường hợp người khuyết tật theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, ông Phùng Văn H được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí.

4. Quy định chung: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KH;
- VKSND TX. Ninh Hòa;
- Chi cục THADS TX. Ninh Hòa;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Trung